

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 66/2021/HS-ST

Ngày: 01-02-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Công Danh**

2. Bà **Thiều Thị Phi Loan**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Quang Minh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Võ Hồng Toàn** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại Hội trường 7- Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 739/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2021/HSST-QĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo:

Đàm Văn M (tên gọi khác: không), giới tính: Nam, sinh năm 1993, tại H. Nơi đăng ký thường trú: thôn Quan Lạng, xã V, huyện L, tỉnh H. Nơi cư trú : tổ 12, khu phố 5, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: không. Trình độ học vấn: lớp 10/12. Họ tên cha: Đàm Văn Thanh, sinh năm 1963 (còn sống). Họ tên mẹ: Vũ Thị Duẩn, sinh năm 1972 (còn sống). Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ tên Nguyễn Thị Hựu (sinh năm 1998), có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 15/7/2020. Đến ngày 24/7/2020 được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo

Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 55/LCĐKNCT ngày 21/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh năm 1989. Địa chỉ: 108, khu phố 2, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1972. Địa chỉ: 25/17B, khu phố 6, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ: 307, hẻm 7, tổ 41C, khu phố 11, phường T2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1993. Địa chỉ: 165/15, tổ 34, khu phố 2A, phường Tr, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985. Địa chỉ: 14/A, Bình Hóa, phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

6. Bà Lưu Ngọc Ch, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

7. Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ: 283, khu phố 2, phường Q, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Nguyễn Thị Mai T có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 3/2020, Đàm Văn M đến thành phố Biên Hòa thực hiện hoạt động cho vay tiền lấy lãi theo hình thức thu tiền trả góp hàng ngày. Để tìm người vay tiền, M thường đi đến các quán cà phê có khách chơi đánh bài rồi tiếp cận làm quen và cung cấp số điện thoại của M là 093.7081116 để ai có nhu cầu vay tiền sẽ liên hệ trực tiếp với M. Khi người vay liên hệ với M qua số điện thoại trên thì M sẽ đến nhà người vay xác minh thông tin nhà đất, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân ... rồi M sẽ chụp hình người vay lưu vào máy điện thoại và cho vay tiền mà không cần viết giấy vay mượn. M thu tiền phí hồ sơ là 05% trên tổng số tiền vay (nhưng cũng tùy từng người vay mà có một số trường hợp M thu tiền phí 10% và cũng có trường hợp không thu tiền phí hồ sơ). Ngoài ra, cũng tùy trường hợp người vay mà M yêu cầu đóng trước tiền trả góp trước 01 ngày, 02 ngày hoặc không cần đóng trước. M cho vay tiền và tính tiền lãi với cách thức như sau:

- Trường hợp vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thì số tiền người vay phải trả là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong 25 ngày; người vay phải trả tiền phí hồ sơ 05% là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), đóng trước tiền trả góp 01 ngày đầu tiên là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) nên người vay chỉ nhận được 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và phải trả góp thêm 24 ngày. Đối với trường hợp không phải đóng tiền trả góp trước 01 ngày thì người vay nhận được 4.750.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và trả góp trong 25 ngày.

- Trường hợp vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) thì số tiền người vay phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) trong 25 ngày; người vay phải trả tiền phí hồ sơ 05% là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), đóng trước tiền góp 01 ngày đầu là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) nên người vay chỉ nhận được 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) và phải trả góp thêm 24 ngày. Đối với trường hợp không phải đóng tiền trả góp trước 01 ngày thì người vay nhận được 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) và trả góp trong 25 ngày.

- Trường hợp vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) thì số tiền người vay phải trả là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) trong 25 ngày; người vay phải trả tiền phí hồ sơ 05% là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), đóng trước tiền góp 01 ngày đầu là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), nên người vay chỉ nhận được 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) và phải trả góp thêm 24 ngày. Đối với trường hợp không phải đóng tiền trả góp trước 01 ngày thì người vay nhận được 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) và trả góp trong 25 ngày.

- Trường hợp người vay từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đến 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) thì hình thức vay cũng tương tự như trên và người vay cũng phải trả trong 25 ngày hoặc 27 ngày. Tùy trường hợp người vay mà thời hạn trả góp có thay đổi theo sự thỏa thuận giữa M và người vay. Ngoài ra, nếu người vay chưa trả hết tiền của lần vay đầu mà muốn vay tiếp thì khi cho vay M sẽ trừ luôn số tiền người vay chưa trả của lần vay trước vào số tiền cho vay của lần vay mới nên người vay chỉ nhận được số tiền còn lại và coi như lần vay trước đã trả xong.

Từ tháng 3/2020 đến tháng 7/2020, Đàm Văn M đã đã bỏ ra số tiền gốc là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) để cho 24 người trên địa bàn thành phố Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai vay tiền với lãi suất cao để

thu lợi bất chính. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xác định Đàm Văn M đã thu lợi bất chính của 07 người vay tiền trong 11 lần cho vay, cụ thể như sau:

1. Ngày 12/6/2020, M cho bà Nguyễn Thị Quỳnh C, ngụ tại số 13, khu phố 2, phường B, thành phố Biên Hòa vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bà C phải trả tiền phí hồ sơ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 01 ngày là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) nên số tiền bà C được nhận là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng); tổng số tiền bà C phải trả là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) trong vòng 26 ngày với lãi suất 40,72%/tháng (nhưng sau khi trả góp được 03 ngày thì đến ngày 15/6/2020 bà C đã vay lần thứ 02 và M đã trừ hết số tiền bà C còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 352,94%/tháng). Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà M được hưởng trong 03 ngày (từ 12/6/2020 đến 15/6/2020) là 28.390 đồng (Hai mươi tám nghìn ba trăm chín mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 8.971.610 đồng (Tám triệu chín trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm mười đồng).

Đối với lần vay thứ 02 bà C chưa trả xong nên M chưa thu lợi.

2. Ngày 29/05/2020, M cho bà Nguyễn Thị Mai T, ngụ tại 25/17B, khu phố 6, phường T, thành phố Biên Hòa vay lần 01 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bà T phải trả phí hồ sơ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên bà T chỉ được nhận 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng); tổng số tiền bà T phải trả là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 33,33%/tháng (nhưng đến ngày 07/6/2020 bà T đã vay lần thứ 02 và M đã trừ hết số tiền bà T còn thiếu của lần vay 01 nên lãi suất thực tế là 83,33%/tháng). Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà M được hưởng trong 10 ngày (từ 29/5/2020 đến 07/6/2020) là 100.200 đồng (Một trăm nghìn hai trăm đồng), tiền thu lợi bất chính là 6.899.800 đồng (Sáu triệu tám trăm chín mươi chín nghìn tám trăm đồng).

- Ngày 07/6/2020, M cho bà Nguyễn Thị Mai T vay lần 02 số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), phí hồ sơ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và bà T phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), sau đó M trừ hết số tiền bà T còn thiếu của lần vay 01 và chỉ đưa cho bà T 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng), tổng số tiền bà T phải trả cho lần vay này là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 31,58%/tháng. Số tiền lãi hợp

pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà M được hưởng trong 25 ngày là 528.833 đồng (Năm trăm hai mươi tám nghìn tám trăm ba mươi ba đồng), tiền thu lợi bất chính là 11.471.167 đồng (Mười một triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng).

3. Ngày 01/3/2020, M cho bà Nguyễn Thị H, ngụ tại số 307, hẻm 7, tổ 41C, khu phố 11, phường T2, thành phố Biên Hòa vay lần 01 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), bà H phải trả tiền phí hồ sơ 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) nên chỉ được nhận 4.750.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); tổng số tiền bà H phải trả là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 31,58%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà M được hưởng trong 25 ngày là 66.104 đồng (Sáu mươi sáu nghìn một trăm lẻ bốn đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.433.896 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng).

- Khoảng cuối tháng 5/2020 (không rõ ngày), M cho bà Nguyễn Thị H vay lần 02 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bà H được nhận 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng), phí hồ sơ 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); tổng số tiền bà H phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất là 31,58%/tháng (nhưng sau khi trả góp được 13 ngày thì bà H đã vay lần thứ 03 và M đã trừ hết số tiền bà H còn thiếu của lần vay 02 nên lãi suất thực tế là 60,73%/tháng). Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà M được hưởng trong 13 ngày là 68.748 đồng (Sáu mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.931.252 đồng (Hai triệu chín trăm ba mươi một nghìn hai trăm năm mươi hai đồng).

- Khoảng tháng 6/2020 (không rõ ngày), M cho bà Nguyễn Thị H vay lần 03 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), phí hồ sơ 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), bà H phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và M trừ hết số tiền bà H còn thiếu của lần vay 02 nên bà H chỉ được nhận 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng), tổng số tiền bà H phải trả là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất 31,58%/tháng (nhưng sau khi trả góp được 21 ngày thì bà H đã vay lần thứ 04 và M đã trừ hết số tiền bà H còn thiếu của lần vay 03 nên lãi suất thực tế là 37,59%/tháng). Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà M được hưởng trong 21 ngày là 222.110 đồng (Hai trăm hai mươi hai nghìn một trăm mười đồng), tiền thu lợi bất chính là 5.777.890 đồng (Năm triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi đồng).

- Khoảng đầu tháng 7/2020 (không rõ ngày), M cho bà Nguyễn Thị H vay lần 04 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), phí hồ sơ 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), bà H phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và M trừ hết số tiền bà H còn thiếu của lần vay 03 nên bà H chỉ được nhận 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), tổng số tiền bà H phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) trong vòng 25 ngày với lãi suất là 31,58%/tháng (nhưng 09 ngày sau bà H đã vay lần thứ 05 và M đã trừ hết số tiền bà H còn thiếu của lần vay 04 nên lãi suất thực tế là 87,72%/tháng). Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà M được hưởng trong 09 ngày là 47.595 đồng (Bốn mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.952.405 đồng (Hai triệu chín trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm lẻ năm đồng).

Đối với lần vay thứ 05 bà H chưa trả xong nên M chưa thu lợi.

4. Tháng 6/2020 (không rõ ngày), M cho Ông Nguyễn Tấn S, ngụ tại 165/15, tổ 34, khu phố 2A, phường Tr, thành phố Biên Hòa vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), Ông S phải trả tiền phí hồ sơ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) nên Ông S chỉ được nhận 15.600.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng); tổng số tiền Ông S phải trả là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) trong vòng 20 ngày với lãi suất 33,33%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà M được hưởng trong 20 ngày là 200.400 đồng (Hai trăm nghìn bốn trăm đồng), tiền thu lợi bất chính là 5.799.600 đồng (Năm triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

5. Tháng 4/2020 (không rõ ngày), M cho bà Nguyễn Thị H1, ngụ tại 14/A, phường H, thành phố Biên Hòa vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bà H1 phải trả tiền phí hồ sơ 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 01 ngày là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) nên chỉ được nhận 9.250.000 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); tổng số tiền bà H1 phải trả là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) trong vòng 22 ngày với lãi suất là 13,99%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà M được hưởng trong 22 ngày là 119.405 đồng (Một trăm mười chín nghìn bốn trăm lẻ năm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.130.595 đồng (Một triệu một trăm ba mươi nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng).

6. Tháng 6/2020 (không rõ ngày), M cho bà Lưu Ngọc Ch, ngụ tại ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), bà Ch phải trả phí hồ sơ 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) nên chỉ được nhận 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng), tổng số tiền bà Ch phải trả là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) trong vòng 22 ngày với lãi suất 14,74%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà M được hưởng trong 22 ngày là 453.126 đồng (Bốn trăm năm mươi ba nghìn một trăm hai mươi sáu đồng), tiền thu lợi bất chính là 6.546.874 đồng (Sáu triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi bốn đồng).

7. Ngày 03/6/2020, M cho ông Lâm Văn Đ, ngụ tại 283, khu phố 2, phường Q, thành phố Biên Hòa vay số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), ông Đ phải trả tiền phí hồ sơ 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) nên chỉ được nhận 59.500.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền ông Đ phải trả là 94.500.000 đồng (Chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) trong vòng 27 ngày với lãi suất 40,94%/tháng (nhưng sau khi trả góp được 11 ngày thì ông Đ đã vay lần thứ 02 và M đã trừ hết số tiền ông Đ còn thiếu của lần vay 01 nên lãi suất thực tế là 100,48%/tháng). Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà M được hưởng trong 11 ngày là 407.201 đồng (Bốn trăm lẻ bảy nghìn hai trăm lẻ một đồng), tiền thu lợi bất chính là 27.592.799 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng).

Đối với lần vay thứ 02 ông Đ chưa trả xong nên M chưa thu lợi.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 14/7/2020, Đàm Văn M đến quán nước của bà Lâm Yến tại khu phố 1, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa để thu tiền trả góp của bà Yến thì bị Tổ công tác của Đội Cảnh sát kinh tế - Công an thành phố Biên Hòa phát hiện và lập hồ sơ xử lý.

Điều 468 Bộ luật dân sự quy định lãi suất do các bên tự thỏa thuận, nhưng không vượt quá 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng). Đàm Văn M đã cho 07 người vay tiền trong 11 lần vay với lãi suất từ 13,99%/tháng đến 352,94%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền Đàm Văn M sử dụng để cho vay là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), số tiền phí hồ sơ M thu được của người vay là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) và số tiền lãi M đã thu được là 65.750.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất theo quy

định của Bộ luật dân sự là 2.242.112 đồng (Hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn một trăm mười hai đồng) và tiền lãi vượt quá 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) là 63.507.888 đồng (Sáu mươi ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn tám trăm tám mươi tám đồng), tiền thu lợi bất chính là 81.507.888 đồng (Tám mươi một triệu năm trăm lẻ bảy nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

Vật chứng của vụ án thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số Imei 358728090256094 gắn sim số 093.7081116 của Đàm Văn M sử dụng liên lạc trong quá trình cho vay và thu tiền lãi;

- 01 xe mô tô biển số: 60F3- 040.15 Đàm Văn M mượn của mẹ ruột là bà Vũ Thị Duẩn, do bà Duẩn không biết M sử dụng xe mô tô trên vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho bà Duẩn.

Tại bản Cáo trạng số 726/CT-VKSBH ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố Đàm Văn M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Đàm Văn M từ 01 năm - 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung số tiền từ 30.000.000 đồng – 50.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tuyên:

- Buộc bị cáo Đàm Văn M phải nộp lại số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) là phương tiện phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải Đàm Văn M nộp lại số tiền 2.242.112 đồng (Hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn một trăm mười hai đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số Imei 358728090256094 gắn sim số 093.7081116 là phương tiện bị cáo Đàm Văn M sử dụng vào việc phạm tội.

- Về trách nhiệm dân sự: do những người vay tiền gồm bà C, bà H, bà H1, ông Đ, Ông S, bà Ch không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã thu vượt quá 20% lãi suất theo quy định pháp luật nên không xem xét, giải quyết. Tại phiên tòa bị cáo tự

nguyện trả lại cho bà T tiền thu vượt quá lãi suất quy định cụ thể là số tiền 10.000.000 đồng, bà T đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã mô tả và truy tố.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Do đó, đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 3/2020 đến tháng 7/2020, Đàm Văn M đã có hành vi cho 07 người vay tiền trong 11 lần vay với mức lãi suất từ 13,99%/tháng đến 352,94%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính. Tổng số tiền Đàm Văn M thu lợi bất chính là 81.507.888 đồng (Tám mươi một triệu năm trăm lẻ bảy nghìn tám trăm tám mươi tám đồng), trong đó tiền lãi vượt quá quy định là 63.507.888 đồng (Sáu mươi ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn tám trăm tám mươi tám đồng), tiền phí hồ sơ là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Hành vi của bị cáo Đàm Văn M đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố và viện dẫn.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây mất an ninh địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm nhưng vì lợi nhuận nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội nhằm mục đích răn đe, giáo dục cũng như phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: không có.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Quỳnh C, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H, bà Lưu Ngọc Ch, ông Lâm Văn Đ, Ông Nguyễn Tấn S không yêu cầu bị cáo M trả lại số tiền đã thu vượt quá 20%/năm lãi suất theo quy định pháp luật. Bà C, bà H1, bà H, bà Ch, ông Đ, Ông S vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với trường hợp bà Nguyễn Thị Mai T có mặt tại phiên tòa, yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã thu vượt quá 20%/năm lãi suất theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo Đàm Văn M tự nguyện trả lại cho bà T số tiền 10.000.000 đồng, bà T đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc bị cáo Đàm Văn M trả lại cho bà Nguyễn Thị Mai T số tiền 10.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự :

- Buộc bị cáo Đàm Văn M phải nộp lại số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) là phương tiện phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Đàm Văn M phải nộp lại số tiền 2.242.112 đồng (Hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn một trăm mười hai đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số Imei 358728090256094 gắn sim số 093.7081116 là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với những người vay tiền của bị cáo Đàm Văn M hiện chưa xác minh được để xử lý, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau là đúng quy định.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: về tội danh truy tố và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 32, 36, 46, 47, 48 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 106, 135, 136, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đàm Văn M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Đàm Văn M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 15/7/2020 đến ngày 23/7/2020 là 27 ngày cải tạo không giam giữ (01 ngày bị tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ).

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố Biên Hòa nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Phạt bổ sung số tiền: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2. Về bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Đàm Văn M trả lại số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Mai T.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành các số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Đàm Văn M phải nộp lại số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) là phương tiện phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Đàm Văn M phải nộp lại số tiền 2.242.112 đồng (Hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn một trăm mười hai đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số Imei 358728090256094 gắn sim số 093.7081116 là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

(Vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

4. Về án phí:

Buộc bị cáo Đàm Văn M phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Đàm Văn M và bà Nguyễn Thị Mai T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Người LQ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phú

